

Hồ Tĩnh Tâm

Chữ nghĩa đời thường và văn chương

Nam Bộ



Ngôn ngữ là phương tiện của tư duy, của giao tiếp, và cũng chính là phương tiện của sáng tạo văn học. Chính từ cuộc sống đấu tranh chống lại các thế lực của tự nhiên, cũng như từ cuộc sống lao động và đấu tranh để tồn tại mà con người đã sinh ra ngôn ngữ. Chẳng hạn, từ việc hiệp đồng săn bắn trên thảo nguyên, người ta phải cất tiếng hú gọi nhau, lâu dần chuyển từ tiếng hú sang tiếng gọi. Hay để hiệp đồng các động tác chèo thuyền, người ta sáng tạo ra các điệu hò sông nước.

Như vậy, ngôn ngữ cũng như nghệ thuật, đều có cội nguồn từ cuộc sống lao động của con người. Chính con người trong quá trình tồn tại của mình đã sinh ra ngôn ngữ và chữ viết, cũng như không ngừng làm giàu cho ngôn ngữ và chữ viết. Ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ trong sáng tạo văn học rất gần với nhau, nhưng vẫn có những khoảng cách nhất định.

Tại "Bàn tròn Hội thảo Văn xuôi đồng bằng sông Cửu Long", tôi có đọc một bản tham luận khá dài, trong đó có đoạn:

"Tôi rất thích đọc "Giữa dòng nước lũ" của Anh Đào, "Sông Hậu xuôi về" của Nguyễn Lập Em, "Tình quạ" của Phạm Trung Khâu, "Nhớ Khói" của Ngô Khắc Tài, "Miên man quê chi" của Nguyễn Thanh, "Tiếng chuông trôi trên sông" của Vũ Hồng, "Chiều mưa" của Nguyễn Kim Châu... bởi theo tôi, đó là những tác phẩm dựng lên được chân dung về tâm linh, tình cảm của người Nam Bộ trong cuộc sống, bằng đúng thứ ngôn ngữ rất thuần Nam Bộ. Tôi nhớ Tuốc Gơ Nhép có nói: "Dân tộc ông là tiếng Nga". Câu nói ấy rất đơn giản, nhưng lại rất sâu sắc; bởi vì ông chính là người Nga, trước khi là một nhà văn lớn, và ông tự hào về điều đó. Chính điều này đã giúp tôi ý thức được rằng, cái đáng quý lớn nhất của văn xuôi Nam Bộ, là hầu như tất cả các tác giả đều sử dụng rất thuần thực những giá trị đặc trưng của ngôn ngữ Nam Bộ. Thậm chí, với một số tác giả, họ còn nâng được nó lên ở tầm cao của cái đẹp về ngôn ngữ văn học.

Vì sao tôi đặc biệt yêu thích truyện ngắn "Ông cá hô" của nhà văn Lê Văn Thảo, truyện "Đạo tướng" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng? Đơn giản là bởi tôi yêu thích giọng văn rất Nam Bộ được sử dụng trong hai truyện này. Đọc xong những hai tác phẩm ấy, tôi rút ra một bài học mà Cao Hành Kiện đã từng đề cập: Nhà văn sáng tạo thông qua ngôn ngữ, tính dân tộc của tác phẩm phát xuất trước hết và trên hết là năng lực khai thác tiềm năng nghệ thuật của thứ tiếng ấy. Tiếng Nam Bộ hay, ngôn ngữ Nam Bộ phong phú, đa sắc, đa diện, đa động và rất trẻ, tại sao chúng ta không nắm lấy nó như là một lợi thế trong sáng tạo nghệ thuật? Để diễn đạt khái niệm to, người ta nói là rất to, to lắm, to ơi là to... Ngôn ngữ Nam Bộ với tính năng động, tính trẻ hoá, lại nói là bành ky, tổ chẳng, ế cum... Chính điều đó đã giúp Nguyễn Thi thể hiện được hình tượng chị Út rất vui nhộn, yêu đời sau một trận đánh: "Thắng giặc trở về, chị Út, sẵn cái bụng bầu chang bang, bước ra làm ông

Địa. Trống đánh tùng tùng, lân múa té nghiêng té ngửa. Bà con cười bể xóm". Nếu ta tạm thời lấy tiếng Hà Nội làm ngôn ngữ chuẩn, liệu thay đổi từ ngữ diễn đạt theo hướng đó, hình tượng chị Út có còn sống động như trên được không?

Còn xét về yếu tố mang tính hình dung từ, ngôn ngữ Nam Bộ lại càng độc đáo. Lấy ví dụ các từ: chò hỏ, chành bành, chèm bẹp... Ta thấy rõ rằng: ngồi chò hỏ dứt khoát phải là con trai, ngồi chành bành dứt khoát phải là con gái, và con nít ị ra quần thì người ta mới nói là ngồi chèm bẹp. Vấn đề là phải biết sử dụng vốn ngôn ngữ đó như thế nào để có tính nghệ thuật".

Khi truyền hình trích đọc đoạn tham luận này, có người đã nói với tôi: ngồi chành bành không thể là cụm từ để chỉ dáng ngồi xấu của phụ nữ được, bởi đàn ông cũng nhiều người hay ngồi bành chân chành bành ra. Anh ta chỉ cho tôi cụm từ "ngồi chề he". Điều đó giúp tôi nhớ ra cụm từ "ngồi chề hẻ", "ngồi chẻ he", "ngồi toác hoác"... Và tôi tự biết anh ấy đúng, còn tôi đã sai. Bởi vậy tôi nghĩ rằng, bất cứ một nhà văn hay bất cứ một người sáng tác văn học nào, cũng cần phải nghiên cứu để học tập đời sống ngôn ngữ của ngôn ngữ đời thường.

Các bạn thấy đấy. Chữ nghĩa là tài sản của nhân dân, thành thử nhiều khi dân ta sử dụng cũng "vui" đáo để.

Thời năm 1984, không biết từ đâu du nhập vào cơ quan tôi từ "vằm" thiệt ác chiến. Kiểu như vậy: "Vằm vằm cò vui về ghen!". "Vằm!". Vậy là bày quân ra tỉ thí. Hay như vậy: "Thêm lít nữa nhen!". "Vằm luôn!". Vậy là chìm xuống biết tuốt. Từ «vằm» cứ thế xuất hiện tứ lung tung trong sinh hoạt giao tiếp. «Ông vằm tao một mách trong cuộc họp», «Mây vằm con nhỏ đó trận nào chưa», «Vụ đó khó vằm thấy mụ nội»... «Vằm». «Vằm». Vằm búa xua

thấy sợ!

Anh bạn tôi đi công tác ở Hà Nội về, kể không biết thiệt hay giả. Ở quán thịt cày, thấy có khách, người chạy bàn gọi với vào trong: «Bàn số 5 ba chó như hôm qua. Bàn số 2 thêm một chó nướng». Là họ nói, bàn số 5 có ba người mới vào, gọi các món như hôm qua; còn bàn số hai thêm đĩa thịt nướng. Ngộ hết biết! Cũng như ta từng nghe ngoài chợ: «Cô gì ơi! Cô vịt ơi! Cho đi nhờ cái nào!». Không biết tên để gọi, giữa chốn đông người, cứ kêu đại theo thứ hàng mà người ta đang bán, hay đang xách trên tay. (Cô xách vịt - Cô vịt ơi! Anh xách gà - Anh gà ơi! Bà xách rau muống - Bà rau muống ơi!..) Tuy buồn cười nhưng lại được việc. Nhưng chó đại mà bạ đâu cũng gọi «anh chó», «chị heo», kéo có ngày «banh xà cừ» hàng tiền đạo, sung vều cửa miệng.

Tuy nhiên, sự sáng tạo trong việc sử dụng ngôn từ của dân tình, đôi khi cũng hay hết ý. Có nơi, thay bằng nói «ui da!», người ta lại nói «a dui!», nghe dí dỏm, vui vui một cách dễ thương. Nếu ta nghe một cô gái nói như vậy, «tôi đi chơi hôn anh», ta có thấy lịm lỗ tai không nhỉ?

Lần đầu tiên nghe cụm từ «hổng dám đâu», tôi sửng cả người. Ông anh, bà chị nào sáng tạo ra cách nói hay quá. Nhất là mấy tiếng đó lại thốt lên từ môi hoa của các cô mới «nhón» thì... «hổng dám đâu!».

Gần đây người ta hay nói, «có là cái đỉnh gì». Nghiệt vậy! Ngôn ngữ đời thường cứ tung ra xoành xoạch. Nào là «Đồ khi mốc», «con khi khô», «thứ chẳng lửa»... tất cả có là «cái đỉnh gì». Ngôn ngữ từ ngàn đời vẫn cứ mặc nhiên thuộc về người sử dụng. Mà họ dụng ra sao. Nào là «ông bô», «bà khốt»; nào là «con lũng», «bà chẳng», «thằng ba đĩa»; nào là «đồ xi cà que», «đồ xi ca vâu», «đồ lại cái», «đồ lại đực»... Mất lòng quá thể!

Nhưng mà biết làm sao! Dân ta vốn hay hài hước - hài chút đỉnh cho vui về ý mà. Bởi thế mới sanh ra cách nói đầy hình tượng: «ngồi chò hỏ», «ngồi

chóc góc», «ngồi chèm bẹp», «ngồi chành bành», «ngồi chè hẻ»...

Chữ nghĩa đời thường là sáng tạo, phải lựa cái hay mà học. «Chim khôn hót tiếng rảnh rang, người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe». Tôi thích nghe các cô xinh đẹp nói «ừa hén!», bởi tôi đã nghe hoài từ «ừ nhĩ» từ hồi năm năm tới giờ, quen rồi, chán rồi.

Theo xu hướng phát triển của cuộc sống, ngôn ngữ cứ mỗi ngày mỗi cập nhật, «lỗ tai» dân gian sàng sảy nó, làm giàu nó, cả về phương diện vô âm thanh, tới phương diện các tầng lớp nghĩa biểu đạt hiển ngôn và ẩn ngôn. Bởi vậy, từ chữ nghĩa đời thường, tới cá tính sáng tạo văn chương cũng là một chuyện. Nắm được cái thần của chữ nghĩa đời thường không dễ đâu. Một câu văn hay, một câu thơ hay, cũng được dựng lên bằng chữ nghĩa đời thường đấy chứ.

"Khen cho con nhỏ cả gan

Ghe không bánh lái dám chèo ngang giữa dòng"

Để các bạn có thể tin tưởng hơn về điều này, tôi xin dẫn ra đây ba bài thơ cổ của Nhật Bản, viết theo thể Tan Ka, mà tôi cho là có lối viết rất dung dị theo lối chữ nghĩa rất đời thường.

Bài thứ nhất:

Sông Hô Nê Xê nước rất nông

Lội ra giữa dòng vẫn không ướt váy

hỏi một người cũng nông như vậy

Làm sao tôi có thể yêu sâu

Bài thứ hai:

Ừ thì em hoàn toàn không yêu anh

Nhưng hoa ti ti ban đẹp thế trên cành

Bên vườn nhà anh

Lẽ nào em không đến ngắm

Bài thứ ba:

Mưa xuân

nhẹ bay bay

Thế mà cây ô liu này

Đến bây giờ hoa chưa nở

hay cây đang non

Chữ nghĩa trong ba bài thơ này đều là chữ nghĩa đời thường, dung dị như chính ngôn ngữ chúng ta vẫn dùng giao tiếp với nhau; nhưng chất thơ thì tràn đầy bởi ý tưởng thi vị của nó. Thử dùng từ ngữ bóng bẩy, màu mè, liệu nó có còn lay thức được người đọc nữa không?

Chúng ta ai cũng biết, không hề có thứ ngôn ngữ chuẩn cho một đất nước có đường bờ biển kéo dài hơn 2600 cây số từ Bắc vào Nam. Mỗi vùng Địa Văn Hoá khác nhau, đều có những giọng điệu ngôn ngữ khác nhau. Tất cả hợp lại, làm thành sự giàu có về văn hoá ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp và hoạt động sáng tạo văn bản thành văn của cả nước. Nếu nền văn học Việt Nam chỉ có "Truyện Kiều" mà không có "Lục Vân Tiên" thì sẽ ra sao?

Chúng ta rất quý "Chí Phèo" của Nam Cao, nhưng chúng ta cũng rất quý "Hòn Đất" của Anh Đức. Và như vậy, chúng ta cũng kính trọng những nhà Bắc Hà học, như chúng ta kính trọng nhà Nam Bộ học Sơn Nam. Đó là thái độ của chúng ta đối với các tầng Địa Văn hoá khác nhau của đất nước.

Ở đây, chúng ta cần thống nhất với nhau: trong sáng tác, ngôn ngữ là phương tiện để chúng ta suy nghĩ và chuyển tải tư tưởng. Rất nhiều nhà văn ở đồng bằng sông Cửu Long, viết bằng giọng văn Nam Bộ, viết về con người Nam Bộ, nhưng tác phẩm của họ không hề mất đi tính hiện đại.

"Khách thương hồ" của Hào Vũ, "Thập giá gỗ" của Lê Đình Trường, "Ông già đến từ Busan" của Vũ Hồng... hiện đại quá đi chứ. Tính hiện đại mà các truyện ngắn này đạt được, không phải là những vấn đề thuộc thời hiện

đại; mà nó là chiều sâu, chiều rộng của hiện thực được phản ánh. Càng đọc ta càng thấy nổi lên những cuộc đời, những số phận của các giai tầng khác nhau trong xã hội. Các truyện ngắn này không hoàn toàn viết theo lối viết truyền thống, mà rõ ràng có bị ảnh hưởng bởi lối viết phương Tây; nhưng cuối cùng nó vẫn cất lên tiếng nói thồn thức yêu thương của người dân Nam Bộ. Điều đáng quý là ở chỗ đó.

Nhà văn Raymond Carver, khi nói về truyện ngắn, có dẫn lời của Pritchett như sau: "Truyện ngắn là cái gì đó thoáng thấy nơi khoé mắt, rồi lướt đi". Trước hết là sự thoáng thấy. Rồi cái thoáng thấy ấy được ban sức sống, biến thành cái gì đó làm khoảnh khắc ấy rực sáng lên và có thể để nó lại trong tâm thức người đọc một dấu vết không thể tẩy xóa.

"Tình quạ" của Phạm Trung Khâu là một truyện ngắn hiện đại, có tính siêu thực, khi anh để cho con quạ tha chuột chết, cóc chết về thả đầy vườn, để báo đáp ơn cứu sống của ông chủ. Tất nhiên là không thể có điều đó đối với lối viết truyện truyền thống của dân tộc. Nhưng truyện ngắn này vẫn rất dân tộc, là vì nó nhân bản. Cái thoáng thấy là tác giả thấy một con quạ bị bắn gãy chân, nên động lòng đem về nuôi nấng, cứu chữa. Cái vụt sáng là con quạ khi thấy thân nhân của mình lâm bệnh, thì bay đi tha thức ăn đem về cho chủ. Và cái thần thái của truyện chính là lối hành văn rất đời thường mà nhà văn Phạm Trung Khâu chịu khó lượm lặt trong cuộc sống.

Nhìn chung các tác gia văn xuôi đồng bằng chúng ta đều bám được hiện thực cuộc sống của vùng đất để sáng tác, nên cái quý nhất là tác phẩm mang được hơi thở cuộc sống, mang được tính đặc thù của văn chương Nam Bộ, nhưng vẫn vươn lên tiếp cận được với nền văn học hiện đại. Trong khi một bộ phận nhà văn Việt Nam hiện nay đang bị ảnh hưởng mạnh bởi chủ nghĩa phân tâm học hiện sinh của Sartre, có lối viết lạ lẫm, kỳ quái, cuồng dục, phức tạp, khó hiểu, thì văn xuôi Nam Bộ lại tỏ ra bình tâm, tinh táo hơn.

Nếu chúng ta làm phép trộn các tác phẩm lại, rồi chia đều ra, chúng ta sẽ có số thành của văn xuôi Nam Bộ là tinh tảo quá, bình chân quá. Rất nhiều truyện ngắn hầu như chỉ có một giọng điệu, một thứ ngôn ngữ được diễn đạt với tốc độ đều đều, dàn trải, chưa có được cú nhảy đột biến.

Có người cho rằng, chúng ta bị ảnh hưởng bởi lối tư duy nông nghiệp, kiểu con cò bay lả bay la; viết thật thà như cuộc sống nên khó có thể gọi là có giá trị sáng tạo nghệ thuật. Nhưng sự thật, vùng đất Nam Bộ đang là vùng kinh tế năng động, đầy tiềm năng và tiềm lực. Hơn nữa, quá khứ lịch sử của chúng ta lại rất hào hùng. Phải chăng chúng ta chưa đủ bản lĩnh tri thức để nhìn nhận lại những giá trị đích thực của lịch sử, của thời đại? Hay là nền văn xuôi của chúng ta đang có vấn đề. Nhiều người phàn nàn: viết truyện bây giờ khó quá, cứ luôn bị biên tập bắt gọt chân cho vừa giày. Cứ viết gì hơi mạnh tay tí xíu là bị gọi lên rỉ tai nói nhỏ. "Mất gì đâu. Ta cứ tĩnh tâm mà chờ sự đổi mới của văn học, rồi tăng tốc chạy tắt đuổi theo. Đường tắt bao giờ cũng là đường ngắn nhất". Tất cả vẫn là vân vân và vân vân. Nhưng cứ như vậy, thì rồi chúng ta phải đặt tên cho văn học là gì, khi mà văn học có chức năng tác động để làm biến đổi cuộc sống theo hướng đi lên. Mà như vậy thì nó không thể xa rời cuộc sống, không thể không bám rễ vào ngôn ngữ đời thường, cũng như chữ nghĩa đời thường trong cuộc sống.

Tôi đọc truyện vừa "Cô gái Nga trên đất Mỹ" của Sergei Dovlatov, nhà văn Nga, và đọc "Martyna" của Wisniewski, nhà văn Ba Lan mà giật mình. Gần đây tôi đọc "Đàn hương hình" của Mạc Ngôn- Trung Quốc - lại càng giật mình. Đó là chưa kể các tác phẩm của Vệ Tuệ, Cửu Đan... những "nữ thủ" được giải phóng năng lượng nổ bị dồn nén khá lâu trong ràng rịt những bó buộc định kiến về chính trị và cuộc sống. Họ khác chúng ta nhiều quá, hơn chúng ta nhiều quá! Nói như nhà văn Nguyễn Khắc Trường: "Mạc Ngôn kém tôi mười tuổi, nhưng lại bỏ xa tôi trong sáng tác". Phải chăng đã đến lúc

văn xuôi đồng bằng cần phải làm một cuộc hoá thân nữa. Nói cách khác, đã đổi mới thì phải đổi mới triệt để. Chúng ta không cấp tiến, nhưng chúng ta cũng không bảo thủ. Bởi chúng ta ý thức rằng: văn hoá là văn hoá. Xuồng ghe là văn hoá. Cả tình yêu và tình dục tất nhiên cũng chính là văn hoá. Văn hoá trong sáng tác là văn hoá hướng về con người, thuộc về con người. Nói như Gorki: "cái gì thuộc về con người thì không hề xa lạ với tôi". Con người Nam Bộ trải qua hai cuộc chiến tranh đi trước về sau, là con người đầy bi thương và oanh liệt. Con người ấy hôm nay vẫn còn đang phải trải qua những cơn đau vật mình sinh nở. Nhà văn hãy đau cùng nhân dân cơn đau sinh nở này, để đẻ ra những giá trị tốt đẹp, để tự mình có thể sáng tạo ra những giá trị tốt đẹp, ngay chính trên mảnh đất đời thường mà nhà văn đang sống.

Tôi yêu cá tính sáng tạo dung dị, chân chất chân quê và thấm đượm tình người của Nguyễn Ngọc Tư. Tôi cũng yêu sự bút phá trong ý tưởng gần đây của Diệp Mai trong văn xuôi, của Huỳnh Thuý Kiều trong văn vần. Tôi tin vào thế hệ những tác giả cùng thời với tôi, như Nguyễn Kim Châu, Lương Minh Hình, Vũ Đức Nghĩa, Trần Thôi, Hàn Vĩnh Nguyên, Thu Trang, Phạm Nghi Dung... Bởi tôi hiểu sức nặng trên từng trang viết của họ, cũng như cá tính sáng tạo của họ. Nhưng trên hết là vì tôi tôn trọng và kính trọng nền văn xuôi đã và đang mang đậm bản sắc văn hoá của vùng đất phương Nam đang rùng rùng chuyển động vào cao nguyên hạnh phúc. Vẫn con người Nam Bộ, vẫn ngôn ngữ Nam Bộ; nhưng cuộc sống đã đổi mới đi lên theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, và ngôn ngữ thì đã được làm giàu thêm rất nhiều sau hơn 30 năm giải phóng, thống nhất đất nước và hội nhập với toàn cầu. Nhưng tất cả những giá trị văn hoá của đồng bằng châu thổ vẫn còn đây. Còn đây bản nhạc vua "Dạ cổ hoài lang", viết theo điệu thức oán (La- Rê- Mi- Phathăng- Xon- La) của cụ Cao Văn Lầu, mà chỉ riêng Nam Bộ mới có.

Vẫn còn đầy kho tàng chuyện kể Ba Phi, mà chúng ta gọi là "hiện tượng văn học phương Nam".

Tất cả vẫn đang tồn tại và đang trên đà phát triển!

Nguồn: Theo hotinhtam.vnweblogs.com

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 24 tháng 4 năm 2009